Tuần 24, Tiết 70, 71

**NHỮNG YÊU CẦU SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT**

**I. Sử dụng đúng theo các chuẩn mực của tiếng Việt**

**1. Về ngữ âm và chữ viết**

a. Các lỗi sai về ngữ âm: Giặc → giặt; dáo → ráo; lẽ → lẻ; đỗi → đổi.

b. Sai do phát âm địa phương: Dưng mờ → nhưng mà; giời → trời; bẩu → bảo.

**2. Về từ ngữ**

a. Phát hiện và chữa lỗi từ ngữ

+ Từ sai → Sửa lại: Chót lọt→ chót (cuối); truyền tụng→ truyền đạt.

+ Sai kết hợp từ: “chết các bệnh truyền nhiễm”, “bệnh nhân được pha chế”.

→ Sửa: Những bệnh nhân không cần phải mổ mắt được điều trị tích cực bằng những thứ thuốc tra mắt đặc biệt mà khoa Dược đã pha chế.

b. Các câu dùng từ đúng: Câu 2, câu 3, câu 4.

**3. Về ngữ pháp**

a. Phát hiện và chữa lỗi ngữ pháp

- Câu 1: Lỗi sai- không phân định rõ trạng ngữ và chủ ngữ.

→ Sửa:+ Qua tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố...

+ Tác phẩm...

- Câu 2: Lỗi sai- thiếu thành phần nòng cốt (cả câu mới chỉ là một cụm danh từ được phát triển dài, chưa đủ các thành phần chính).

→ Sửa:+ Đó là lòng tin tưởng sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình. (thêm chủ ngữ)

+ Lòng tin tưởng sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích đã được biểu hiện bằng những hành động cụ thể.

b. Câu sai: câu 1, do không phân định rõ thành phần phụ đầu câu và chủ ngữ.

- Các câu đúng: câu 2, câu 3, câu 4.

c. Lỗi sai: các câu không lôgíc.

→ Sửa: Thúy Kiều và Thúy Vân đều là con gái của ông bà Vương viên ngoại. Họ sống êm ấm dưới một mái nhà, hòa thuận hạnh phúc cùng cha mẹ. Thúy Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn. Vẻ đẹp của Kiều hoa cũng phải ghen, liễu cũng phải hờn. Còn Vân có nét đẹp đoan trang thùy mị. Còn về tài, Thúy Kiều hơn hẳn Thúy Vân. Thế nhưng nàng đâu có được hưởng hạnh phúc.

**4. Về phong cách ngôn ngữ**

- Câu 1: từ không hợp phong cách (hoàng hôn) → chỉ dùng trong phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, không phù hợp với phong cách ngôn ngữ hành chính

→ sửa: hoàng hôn→ chiều (buổi chiều).

- Câu 2: từ không hợp phong cách (hết sức là) →dùng trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

→ sửa: hết sức là → rất (vô cùng).

b. Các từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- Các từ xưng hô: bẩm, cụ, con.

- Thành ngữ: trời tru đất diệt, một thước cắm dùi không có.

- Khẩu ngữ: sinh ra, có dám nói gian, quả, về làng về nước, chả làm gì nên ăn, kêu,...

**\* Lưu ý: chép ghi nhớ SGK trang 67.**

**II. Sử dụng hay, đạt hiệu quả giao tiếp cao**

1. Nghĩa của các từ: “đứng”, “quỳ” đã được chuyển nghĩa. Chúng không miêu tả các tư thế cụ thể của con người mà đã được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ để nói đến nhân cách, phẩm giá làm người.

- Chết đứng → hiên ngang, có khí phách, trung hực, thẳng thắn.

- Sống quỳ → quỵ lụy, hèn nhát.

2. Các hình ảnh ẩn dụ và so sánh

Cây cối - chiếc nôi xanh.

- cái máy điều hòa khí hậu.

→ Tính hình tượng và biểu cảm cao.

3. Phép điệp: Điệp từ: “ai”; điệp cấu trúc: “Ai có...dùng...”

- Phép đối: câu 1- câu 2.

- Nhịp điệu: dứt khoát, khoẻ khoắn tạo âm hưởng hào hùng, vang dội, tác động mạnh đến người nghe (người đọc).

**\* Lưu ý: chép ghi nhớ SGK trang 67.**

**III. LUYỆN TẬP**

 Bài 1: Các từ dùng đúng: bàng hoàng, chất phác, bàng quan, lãng mạn, hưu trí, uống rượu, trau chuốt, nồng nàn, đẹp đẽ, chặt chẽ.

 Bài 2:

- Từ “lớp”: phân biệt người theo tuổi tác, thế hệ, không có nét nghĩa xấu → phù hợp.

- Từ “hạng”: phân biệt người theo phẩm chất tốt- xấu, mang nét nghĩa xấu → không phù hợp.

- Từ “phải”: có ý bắt buộc, cưỡng ép, nặng nề → không phù hợp với sắc thái nghĩa “nhẹ nhàng, vinh hạnh”, “tất yếu” như từ “sẽ”.

 3. Bài 3:

- Các lỗi sai:

+ Câu 1: chưa phân định rõ trạng ngữ và chủ ngữ.

+ Câu 1 và các câu còn lại ko lôgíc về các ý.

+ Quan hệ thay thế của đại từ “họ” ở câu 2, câu 3 không rõ.

- Sửa lại: Trong ca daoViệt Nam, những bài nói về tình yêu nam nữ chiếm số lượng lớn nhất nhưng còn có nhiều bài thể hiện những tình cảm khác. Những con người trong ca dao yêu gia đình, yêu cái tổ ấm cùng nhau sinh sống...

 4. Bài 4:

 Chị Sứ yêu biết bao nhiêu cái chốn này, nơi chị đã oa oa cất tiếng khóc đầu tiên, nơi quả ngọt trái sai đã thắm hồng da dẻ chị.

* Câu văn có tính hình tượng cụ thể và tính biểu cảm là nhờ sử dụng quán ngữ tình thái (biết bao nhiêu), cụm từ miêu tả âm thanh và hình ảnh (oa oa cất tiếng khóc đầu tiên), hình ảnh ẩn dụ (quả ngọt trái sai đã thắm hồng da dẻ chị). Đó là một câu văn chuẩn mực và có giá trị nghệ thuật.

Tiết 72

**HỒI TRỐNG CỔ THÀNH**

La Quán Trung

1. **Tiểu dẫn:**
2. **Tác giả:**
* La Quán Trung (1330 – 1400), tên là La Bản, hiệu Hồ Hải tản nhân.
* Quê: Thái Nguyên – Sơn Tây (Trung Quốc)
* Con người: Tính cách cô đơn, lẻ loi, thích ngao du.
* Ông chuyên sưu tầm và biên soạn dã sử.
* Là người đầu tiên đóng góp xuất sắc cho trường phái tiểu thuyết lịch sử thời Minh – Thanh.
* Tác phẩm tiêu biểu: Tam quốc diễn nghĩa, Tuỳ Đường lưỡng triều chí truyện…
1. **Tác phẩm: “Tam quốc diễn nghĩa”**
* Ra đời: đầu thời Thanh.
* Thể loại: tiểu thuyết chương hồi, gồm 120 hồi.
* Nội dung: kể lại quá trình hình thành và diệt vong của 3 tập đoàn phong kiến Nguỵ - Thục – Ngô và thể hiện khát vọng hoà bình của nhân dân.
* Giá trị:

+ Giá trị lịch sử, quân sự.

+ Vạch trần bản chất tàn bạo, giả dối của giai cấp thống trị.

+ Phản ánh cuộc loạn li bi thảm của nhân dân và thể hiện ước mơ về một xã hội có vua hiền tướng giỏi.

+ Nghệ thuật: tài kể chuyện đặc sắc của tác giả, nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả trận đấu.

1. **Đoạn trích: “Hồi trống Cổ Thành”**
* Đoạn trích thuộc hồi 28 của tác phẩm Tam quốc diễn nghĩa.
* Hoàn cảnh dẫn đến đoạn trích: SGK
* Tóm tắt: SGK
1. **Đọc hiểu văn bản:**
2. Hình tượng nhân vật Trương Phi:
* Phản ứng của Trương Phi khi nghe xong lời Tôn Càn:

+ Chẳng nói chẳng rằng, lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa.

+ Dẫn một nghìn quân đi tắt ra cửa bắc.

* Tức giận, hành động bộc phát trong tâm thế chiến đấu với kẻ thù.
* Khi gặp Quan Công:

+ Diện mạo: mắt trợn tròn xoe, râu hùm vểnh ngược.

+ Hành động: hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.

+ Xưng hô: mày – tao.

+ Lập luận: buộc tội Quan Công.

Bỏ anh => bất nghĩa

Hàng Tào => bất trung

Đến bắt ta => bất nhân

* Trương Phi có hững cử chỉ và hành động như vậy vì:

+ Tin tức không thông, không hiểu rõ sự thật.

+ Nghi ngờ Quan Công bội nghĩa.

+ Tính cách bộc trực, ngay thẳng.

* Trương Phi là người cứng cỏi, không tha cho những kẻ hai lòng.
* 10 động từ mạnh thể hiện 10 hành động liên tiếp của Trương Phi khiến cho nhịp câu văn nhanh, mạnh, gấp gáp, chứa sức nổ, tạo nên ý vị hấp dẫn của truyện Tam quốc.
* Sái Dương xuất hiện có vai trò:

+ Làm mối nghi của Trương Phi tăng thêm.

+ Đẩy mâu thuẫn, hiểu lầm lên đỉnh điểm.

+ Nhờ đó mà Quan Công đề xuất được cách thanh minh.

* Chi tiết là sự xếp đặt của tác giả để mở lối thoát cho tác phẩm.
* Bởi: Trương Phi không chỉ dễ nóng nảy, đơn giản mà còn không dễ tin người.
* Khi Quan Công chém rơi đầu Sái Dương, Trương Phi vẫn chưa tin, còn bắt tên lính kể chuyện ở Hứa Đô và nghe lời kể của hai chị dâu.
* Chi tiết cuối: Trương Phi rõ nước mắt khóc, thụp lạy Quan Công chứng tỏ: Trương Phi không chỉ là người dũng cảm, cương trực mà còn là người thận trọng, khôn ngoan hết lòng phục thiện. Thực tiễn kinh nghiệm chiến đấu khiến Trương Phi cần phải như vậy.
1. **Nhân vật Quan Công:**
* Hoàn cảnh: đến Cổ Thành gặp người em kết nghĩa là Trương Phi và điều Quan Công không ngờ nhất đây lại là cửa quan thứ 6 và viên tướng chặn đường ông chính là em mình – Trương Phi.
* Với Quan Công, đây là cửa quan khó vượt nhất bởi đó là cửa quan thử thách lòng trung nghĩa, cửa quan bày tỏ sự trong sáng, cửa quan không tha kẻ tham vàng phụ nghĩa.
* Quan công là một con người trung nghĩa trước sau như một.
* Là một con người rất độ lượng và từ tốn:

+ Nhiều lần nhún mình trước người em nóng nảy.

+ Bình tĩnh cầu cứu hai chị dâu thanh minh hộ.

+ Sẵn sàng chấp nhận điều kiện khắc nghiệt của Trương Phi để minh oan.

1. **Ý nghĩa và âm vang của “hồi trống” trong đoạn trích:**
* Hồi trống góp phần làm nổi bật không khí chiến trận bản sắc riêng của tác phẩm.
* Hồi trống là chi tiết liên quan đến tình nghĩa vườn đào: đó là hồi trống thách thức, hồi trống minh oan, hồi trống đoàn tụ.
* Hồi trống có ý nghĩa làm rõ thêm tính cách hai nhân vật: Quan Công và Trương Phi.
1. **Tổng kết:**

 Linh hồn đoạn trích được thâu tóm trong “hồi trống”. Đó là hồi trống thách thức, minh oan và đoàn tụ. Kết nghĩa anh em, bạn bè,…phải nhằm mục đích trong sáng, cao cả thì mới vững bền.